

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2021, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 128/2020/TLST – DS, ngày 11 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng A. (*Gọi tắt ACB*).

Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh KH, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Vũ Thị Anh Đ – Giám đốc Phòng Quản lý nợ. (*Theo giấy uỷ quyền số 428/UQ – QLN.19 ngày 26/6/2019*).

Đại diện theo uỷ quyền: Võ Văn X - Nhân viên Ngân hàng A (*Theo giấy uỷ quyền số 733/UQ-QLN.20 ngày 29/7/2020*).

Địa chỉ: 38 – 40 Trần PH (Núi dài), phường Tây S, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn H1; sinh năm: 1983 và chị Trần Thị Hồng H2; sinh năm: 1987;

Cùng địa chỉ: Thôn 7, xã Ngọc W, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số tiền phải thanh toán:

Ông Trần Văn H1 và Trần Thị Hồng H2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 19/01/2021 là **1.480.935,307 đồng** (*Một tỷ, bốn tám tám mươi triệu chín trăm ba mươi lăm ngàn ba trăm lẻ*

bảy đồng), trong đó gồm vốn gốc 1.300.000.000 đồng, lãi trong hạn 33.920.002 đồng, lãi quá hạn 141.609.315 đồng, phạt chậm trả lãi 5.405.990 đồng.

Thời hạn trả nợ là ngày 27/01/2021.

Lãi suất sẽ tiếp tục được tính kể từ ngày 20/01/2021 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số **KTU.CN.407.030817** ngày 03/8/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số **KTU.CN.319.100818** ngày 29/8/2018 và Hợp đồng cấp tín dụng số **KTU.CN.2571.050919** ngày 05/9/2019; Phụ lục hợp đồng số **KTU.CN.2571.050919/PL-01** ngày 05/9/2019 trên số nợ gốc thực nợ cho đến khi ông Trần Văn H1 và Trần Thị Hồng H2 trả dứt nợ.

Kể từ ngày Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật. Ngân hàng A (bên được thi hành án) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Văn H1 và Trần Thị Hồng H2 (bên phải thi hành án) không thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi đối với khoản vay nêu trên thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng A theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã ký kết giữa Ngân hàng A với ông Trần Văn H1 và Trần Thị Hồng H2. Tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng đất tại: Thửa đất số: 118 + 130; Tờ bản đồ số: 24; Địa chỉ thửa đất: Thôn Đăk KĐêm, xã Đăk Ngok, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 385487 do Ủy ban nhân dân Huyện Đăk Hà cấp ngày 10/11/2014. Mang tên Trần Văn H1 và Trần Thị Hồng H2. Địa chỉ: Thôn 7, xã Ngok Wang, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

Quyền sử dụng đất tại: Thửa đất số: 78; Tờ bản đồ số: 45; Địa chỉ thửa đất: Thôn 7, xã Ngok Wang, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 235150 do Ủy ban nhân dân Huyện Đăk Hà cấp ngày 15/3/2010. Mang tên Trần Văn H1 và Trần Thị Hồng H2. Địa chỉ: Thôn 7, xã Ngok Wang, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Nay hiệu chỉnh thành địa chỉ thửa đất thành: Thôn Đăk KĐêm, xã Đăk Ngok, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

Quyền sử dụng đất tại: Thửa đất số: 33a; Tờ bản đồ số: 38; Địa chỉ thửa đất: Thôn 9, xã Ngok Wang, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AP 844266 do Ủy ban nhân dân Huyện Đăk Hà cấp ngày 16/7/2009. Mang tên Trần Văn H1 và Trần Thị Hồng H2. Địa chỉ: Thôn 7, xã Ngok Wang, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Nay hiệu chỉnh thành thửa đất số 437, tờ bản đồ số 33, địa chỉ: Thôn Đăk KĐêm, xã Đăk Ngok, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thanh toán hết khoản nợ vay theo Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số

KTU.CN.407.030817 ngày 03/8/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số **KTU.CN.319.100818** ngày 29/8/2018; Hợp đồng cấp tín dụng số **KTU.CN.2571.050919** ngày 05/9/2019; Phụ lục hợp đồng số **KTU.CN.2571.050919/PL-01** ngày 05/9/2019 và các khoản chi phí liên quan khác (nếu có) thì ông Trần Văn H1 và Trần Thị Hồng H2 vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả cho đến khi hết nợ.

- **Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:** Căn cứ Điều 155, Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) các đương sự phải chịu, ông Trần Văn H1 và Trần Thị Hồng H2 thỏa thuận chịu toàn bộ số tiền này.

Ngân hàng A không phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nên ông Trần Văn H1 và Trần Thị Hồng H2 phải hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp là 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*).

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3; Điều 6; Điều 18; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do hòa giải thành nên các đương sự phải chịu 50% mức án phí theo quy định của số tiền phải thanh toán, tính được là **28.214.029** đồng (*Hai mươi tám triệu hai trăm mười bốn ngàn không trăm hai chín đồng*). Số tiền này, ông Trần Văn H1 và Trần Thị Hồng H2 thỏa thuận chịu toàn bộ.

Ngân hàng A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 26.268.543 đồng (*Hai mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm bốn mươi ba đồng*) theo biên lai số: AA/2016/0004389 ngày 11/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- Tòa án tỉnh Kon Tum;
- Viện kiểm sát huyện Đắk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đắk Hà;
- Đương sự;

THẨM PHÁN

- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Quý Nhân